TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 3 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sĩ H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/12/2017 và bản tự khai ngày 25/12/2017 chị L trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Sĩ H, thời gian năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện Kiến Thụy. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 02/2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh H thường xuyên chơi bời, say rượu, gây sự với hàng xóm, luôn nghe theo tác động của gia đình đối xử với chị không công bằng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị cố gắng sống chịu đựng cùng gia đình, nhiều lần khuyên giải anh H thay đổi cách sống để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Hùng.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012. Hiện cháu L1 đang do anh H nuôi dưỡng, cháu K đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, nhất trí để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; hiện nay chị và anh H đều làm công nhân, có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Sĩ H trình bày tại bản tự khai ngày 26/12/2017: Thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý mà xin đoàn tụ với chị L để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012. Hiện đang do vợ chồng anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa anh H và chị L thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng theo lời trình bày và yêu cầu của chị L. Tòa án đã xác minh và tống đạt trực tiếp thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp và hòa giải; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp của Tòa án cho trưởng thôn 4, xã K1 và chính quyền địa phương để giao lại các văn bản tố tụng trên. Anh H đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng trên nhưng anh H không đến Tòa án và Ủy ban nhân dân xã K1 để tham gia phiên họp và hòa giải; vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án đã tống đạt trực tiếp và hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho trưởng thôn 4 và Ủy ban nhân dân xã K1 để giao lại cho anh H. Anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, anh H thường xuyên chơi bời, say rượu, không có trách nhiệm đến vợ con. Chị L sống chung với gia đình anh Hùng không hòa thuận, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị L xin ly hôn, anh Hùng xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Sĩ H.

3. Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012. Hiện cháu L1 đang do anh H nuôi dưỡng, cháu Khánh đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, nhất trí để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012 cho chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L tự nguyện kết hôn với anh H năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh Hùng không có trách nhiệm đến vợ con, chị L sống chung cùng gia đình anh Hùng không hòa thuận. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung.

Nay chị L xin ly hôn, còn anh H xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại UBND xã K1, Thôn 4 và gia đình anh H cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2017 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012. Chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi. Còn anh H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Chị L và anh H đều làm công nhân, có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng là 5.000.000 đồng, có chỗ sinh sống ổn định, đều đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung. Do đó yêu cầu của chị L là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu K cho chị Ltiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Sĩ H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 11/11/2011 cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/12/2012 cho chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0006044 ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K1, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền